

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 26.10.2022

TÂM AN VÀ TÂM BẤT AN
Kinh Sudatta (Sudattasuttam)
CHƯƠNG X. TƯƠNG DẠ XOA (S. i, 210)

Cuộc sống thường nằm trong hai trạng thái bình an và bất an. Cũng có trường hợp chính sự an lành tạo nên nổi bất an. Riêng trong câu chuyện này, một người vì lòng tinh tấn cao độ nơi Phật mà tự thân phát ra ánh sáng. Hiện tượng lạ nên khiến người này hoảng hốt. Sau khi lấy lại bình tĩnh và trở lại với tâm tư hướng về Phật ánh sáng lại hiện khởi. Niềm tin và nỗi sợ hãi cứ giằng co nhau. Đến khi gặp Phật thì lời thỉnh an cũng hỏi về sự bình an: ngủ có an giấc chăng. Đức Điều Ngự từ ấy trả lời: không bám víu dục lạc, không tùy thuộc sở y nên cõi lòng thanh thản. Gia chủ ngộ đạo.



Kinh Văn

Ekam samayaṃ bhagavā rājagahe viharati sītavane. Tena kho pana samayena anāthapiṇḍiko gahapati rājagahaṃ anupatto hoti kenacideva karaṇīyena. Assosi kho anāthapiṇḍiko gahapati – “buddho kira loke uppanno”ti. Tāvadeva ca pana bhagavantam dassanāya upasaṅkamtukāmo hoti. Athassa anāthapiṇḍikassa gahapatissa etadahosi – “akālo kho ajja bhagavantam dassanāya upasaṅkamtum. Sve dānāhaṃ kālena bhagavantam dassanāya gamissāmi”ti buddhagatāya satiyā nipajji. Rattiyā sudam tikkhattum vuṭṭhāsi pabhātanti maññamāno. Atha kho anāthapiṇḍiko gahapati yena sivathikadvāraṃ [sīvathikadvāraṃ (sī. syā. kaṃ. pī.)] tenupasaṅkami. Amanussā dvāraṃ vivariṃsu. Atha kho anāthapiṇḍikassa gahapatissa nagaramhā nikkhamantassa āloko antaradhāyi, andhakāro pāturahosi, bhayaṃ chambhitattam lomahaṃso udapādi, tatova puna nivattitukāmo ahoṣi.

Atha kho sivako [sīvako (sī. pī.)] yakkho antarahito saddamanussāvesi –

Thuở ấy Đức Thế Tôn ngự Rājagaha (Vương Xá), tại rừng Sīta (Thanh Lương). Bấy giờ gia chủ Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) đi đến Rājagaha để làm vài công việc.

Ông ấy được nghe “Đức Phật (Bậc Đại Giác) đã xuất hiện đời” nên muốn đi bái kiến Đức Thế Tôn ngay lập tức. Nhưng ông lại nghĩ: “Đây không phải là lúc thích hợp để diện kiến Đức Phật. Mình sẽ đi để gặp được Đức Thế Tôn ngày mai”.

Ông nằm xuống với tâm tư hướng về Phật. Trong đêm ông thức dậy ba lần vì tưởng là trời sáng. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika rời nhà đi. Ông băng ngang chỗ tống táng người chết được những phi nhân mở cổng. Sau khi rời phố xá ánh sáng chợt tắt rồi hiện ra. Ông hết hoảng sợ hãi muốn quay về.

Bấy giờ dạ xoa Sīvaka ẵm hình lên tiếng:

**“Satam hatthī satam assā, satam assatarīrathā;
Satam kaññāsahassāni, āmukkamaṇikuṇḍalā;
Ekassa padavītiḥārassa, kalam nāgghanti soḷasiṃ.**

**“Abhikkama gahapati, abhikkama gahapati;
Abhikkamanam te seyyo, no paṭikkamana”nti.**

Atha kho anāthapiṇḍikassa gahapatissa andhakāro antaradhāyi, āloko pāturahosi, yaṃ ahosi bhayaṃ chambhitattam lomahaṃso, so paṭippassambhi.

“Hàng trăm ngàn tuấn mã
Hàng trăm ngàn thớt voi
Hàng trăm ngàn xe ngựa
Hàng trăm ngàn thiếu nữ
Với trang sức lộng lẫy
Không bằng một phần nhỏ
Một bước chân đi tới.

“Gia chủ, hãy đi tới
Gia chủ, hãy đi tới
Đi tới tốt đẹp hơn
Chớ thôi chuyển quay bước.

Ánh sáng rồi tắt rồi tái hiện nơi gia chủ Anāthapiṇḍika nhưng nỗi sợ hãi không còn.

Dutiyampi kho anāthapiṇḍikassa gahapatissa āloko antaradhāyi, andhakāro pāturahosi, bhayaṃ chambhitattam lomahaṃso udapādi, tatova puna nivattitukāmo ahosi. Dutiyampi kho sivako yakkho antarahito saddamanussāvesi –

**“Sataṃ hatthī sataṃ assā...pe...
Kalaṃ nāgghanti soḷasiṃ.**

**“Abhikkama gahapati, abhikkama gahapati;
Abhikkamaṇaṃ te seyyo, no paṭikkamana”nti.
Atha kho anāthapiṇḍikassa gahapatissa andhakāro antaradhāyi, āloko
pāturahosi, yaṃ ahosi bhayaṃ chambhitattaṃ lomahaṃso, so paṭippassambhi.**

Lần thứ hai... (như trên)...

**Tatiyampi kho anāthapiṇḍikassa gahapatissa āloko antaradhāyi, andhakāro
pāturahosi, bhayaṃ chambhitattaṃ lomahaṃso udapādi, tatova puna
nivattitukāmo ahosi. Tatiyampi kho sivako yakkho antarahito
saddamanussāvesi –**

**“Sataṃ hatthī sataṃ assā...pe...
Kalaṃ nāgghanti soḷasiṃ.**

**“Abhikkama gahapati, abhikkama gahapati;
Abhikkamaṇaṃ te seyyo, no paṭikkamana”nti.**

**Atha kho anāthapiṇḍikassa gahapatissa andhakāro antaradhāyi, āloko
pāturahosi, yaṃ ahosi bhayaṃ chambhitattaṃ lomahaṃso, so paṭippassambhi.**

Lần thứ ba... (như trên)...Ánh sáng rồi tắt rồi tái hiện nơi gia chủ Anāthapiṇḍika
nhưng nỗi sợ hãi không còn.

**Atha kho anāthapiṇḍiko gahapati yena sītavanaṃ yena bhagavā
tenupasaṅkami.**

**Tena kho pana samayena bhagavā rattiyaṃ paccūsasamayaṃ paccuṭṭhāya
abbhokāse caṅkamati. Addasā kho bhagavā anāthapiṇḍikaṃ gahapatiṃ
dūratova āgacchantaṃ. Disvāna caṅkamā orohitvā paññatte āsane nisīdi.
Nisajja kho bhagavā anāthapiṇḍikaṃ gahapatiṃ etadavoca – “ehi sudattā”ti.
Atha kho anāthapiṇḍiko gahapati, nāmena maṃ bhagavā ālapatīti, haṭṭho
udaggo tattheva bhagavato pādesu sirasā nipatitvā bhagavantaṃ etadavoca –
“kacci, bhante, bhagavā sukhamasayitthā”ti?**

Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Đức Thế Tôn tại rừng Sīta. Bảy giờ đêm gần tàn trước rạng đông Đức Thế Tôn đang kinh hành ngoài trời. Ngài trông thấy gia chủ Anāthapiṇḍika từ xa liền rời đường kinh hành đến chỗ ngồi đã sắp sẵn và lên tiếng gọi gia chủ Anāthapiṇḍika: “Sudatta hãy đến đây”.

Lúc ấy gia chủ Anāthapiṇḍika (hoan hỷ, phấn chấn) nghĩ: "Đức Thế Tôn gọi tên ta", rồi quỵ xuống đánh lễ với trán chạm vào chân Thế Tôn và bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, Ngài ngủ có ngon không?”

(Đức Thế Tôn):

**“Sabbadā ve sukhaṃ seti, brāhmaṇo parinibbuto;
Yo na limpati kāmesu, sītibhūto nirūpadhi.**

**“Sabbā āsattiyo chetvā, vineyya hadaye daram;
Upasanto sukhaṃ seti, santim pappuyya cetasā”’ti [cetasoti (sī.)].**

“Bà la môn tịnh lặng
Không bám víu dục lạc
Thanh lương, không sở y
Luôn ngủ trong an giấc.

“Tất cả ái đã dứt
Đoạn ưu phiền nơi tâm
An giấc trong thư thái
Vì nội tại thanh thản.



Thích văn

**“Sataṃ hatthī sataṃ assā, sataṃ assatarīrathā
Sataṃ kaññāsahassāni, āmukkamaṇikuṇḍalā
Ekassa padavītiḥārassa, kalaṃ nāgghanti soḷasiṃ**

**“Abhikkama gahapati, abhikkama gahapati
Abhikkamaṃ te seyyo, no paṭikkamana”’nti**

**“Sabbadā ve sukhaṃ seti, brāhmaṇo parinibbuto
Yo na limpāti kāmesu, sītībhūto nirūpadhi**

**“Sabbā āsattiyo chetvā, vineyya hadaye daram
Upasanto sukhaṃ seti, santīṃ pappuyya cetasā”ti**



Thích nghĩa

Sudatta là tên thật của gia chủ nhưng rất ít người biết. Ông được biết qua tên gọi Anāthapiṇḍika mà người đời đặt cho có nghĩa là “người chu cấp giúp đỡ cho những kẻ tứ cố vô thân”. Hán Việt dịch là Cấp Cô Độc.

Sử kiện về cuộc diện kiến Đức Phật đầu tiên của gia chủ Anāthapiṇḍika được ghi một cách chi tiết trong Luật Tạng (Vin II 154-59)

Theo Sớ Giải thì do niềm hỷ lạc cực độ trong tâm vị gia chủ đối với Đức Phật tạo nên hiện tượng ánh sáng phát ra từ châu thân. Do hiện tượng này mà có ba lần Ông tưởng lầm là trời đã sáng.

Từ vựng sīvathika tại Ấn Độ chỉ cho chỗ xử lý thi hài người chết qua hai cách thức điều táng và hoá táng. Do vậy không thể dịch là “bãi tha ma (điều táng)” hay nghĩa địa (chỗ mai táng). Từ chỗ tạm trú của gia chủ đi đến rừng Sīta gặp Phật phải băng qua khu tổng táng.

Sớ giải ghi rằng do đi qua khu tổng táng (sīvathika) nên khiến gia chủ Anāthapiṇḍika sợ hãi nên ánh sáng của hỷ lạc biến mất. Khi lấy lại bình tĩnh và nghĩ tới Đức Phật thì pháp hỷ sanh khởi ánh sáng hiện ra. Vì vậy có hiện tượng ánh sáng tắt đi rồi tái hiện - sự biểu thị của nội tâm pha trộn niềm hỷ lạc và nỗi sợ hãi.

Sớ giải chú thích ngữ pháp về ba câu: Satam hatthī satam assā, satam assatarīrathā Satam kaññāsahassāni, (hàng trăm ngàn tuấn mã, hàng trăm ngàn thớt voi, hàng trăm ngàn xe ngựa, hàng trăm ngàn thiếu nữ) thì chữ số saḥassa (ngàn) gắn liền với cả bốn chữ satam (trăm). Nên mỗi câu phải được hiểu là hàng “trăm ngàn”.

Cụm từ kalam nāgghanti soḷasim (không bằng một phân mười sáu) là thành ngữ quen thuộc trong Phạm ngữ nên được hiểu là “không bằng một mảy may”.

Theo Sớ Giải thì khi gia chủ Anāthapiṇḍika đang đi lại khởi lên ý nghĩ: làm sao biết được vị ấy đích thực là bậc chân sư, bậc đại giác? Và ông từ đưa ra cách xác định: nếu Ngài quả thật là Phật thì sẽ gọi ta bằng tên thật. Do vậy Đức Phật thấy giả chủ liền lên tiếng “Sudatta hãy đến đây”.

Hai từ (hoan hỷ, phấn chấn - hattho udaggo) trong ngoặc đơn không có trong chánh kinh mà chỉ có trong bản Hậu Sớ giải.

Theo Luật Tạng thì sau kệ ngôn Đức Phật đã thuyết giảng đề tài “tuân tự pháp thoại” cho gia chủ. Nghe xong ông chứng thánh quả tu đà huờn.

Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình

8. Sudattasuttam [Mūla]

242. Ekaṃ samayaṃ bhagavā rājagahe viharati sītavane. Tena kho pana samayena anāthapiṇḍiko gahapati rājagahaṃ anupatto hoti kenacideva karaṇīyena. Assosi kho anāthapiṇḍiko gahapati – “buddho kira loke uppanno”ti. Tāvadeva ca pana bhagavantam dassanāya upasaṅkamtukāmo hoti. Athassa anāthapiṇḍikassa gahapatissa etadahosi – “akālo kho ajja bhagavantam dassanāya upasaṅkamtum. Sve dānāham kālena bhagavantam dassanāya gamissāmī”ti buddhagatāya satiyā nipajji. Rattiyā sudaṃ tikkhattum vuṭṭhāsi pabhānti maññamāno. Atha kho anāthapiṇḍiko gahapati yena sivathikadvāram [sīvathikadvāram (sī. syā. kam. pī.)] tenupasaṅkami. Amanussā dvāram vivarimsu. Atha kho anāthapiṇḍikassa gahapatissa nagaramhā nikkhamantassa āloko antaradhāyi, andhakāro pāturahosi, bhayaṃ chambhitattam lomahaṃso udapādi, tatova puna nivattitukāmo ahosi. Atha kho sivako [sīvako (sī. pī.)] yakkho antarahito saddamanussāvesi –

“Sataṃ hatthī sataṃ assā, sataṃ assatarīrathā;
Sataṃ kaññāsahassāni, āmukkamaṇikuṇḍalā;
Ekassa padavītihārassa, kalam nāgghanti soḷasim.

“Abhikkama gahapati, abhikkama gahapati;
Abhikkamanam te seyyo, no paṭikkamana”nti.

Atha kho anāthapiṇḍikassa gahapatissa andhakāro antaradhāyi, āloko pāturahosi, yam ahosi bhayaṃ chambhitattam lomahaṃso, so paṭippassambhi. Dutiyampi kho anāthapiṇḍikassa gahapatissa āloko antaradhāyi, andhakāro pāturahosi, bhayaṃ

chambhitattaṃ lomahaṃso udapādi, tatova puna nivattitukāmo ahosi. Tatiyampi kho sivako yakkho antarahito saddamanussāvesi –

“Sataṃ hatthī sataṃ assā...pe...
Kalaṃ nāgghanti soḷasiṃ.

“Abhikkama gahapati, abhikkama gahapati;
Abhikkamaṃ te seyyo, no paṭikkamana’nti.

Atha kho anāthapiṇḍikassa gahapatissa andhakāro antaradhāyi, āloko pāturahosi, yaṃ ahosi bhayaṃ chambhitattaṃ lomahaṃso, so paṭippassambhi. Tatiyampi kho anāthapiṇḍikassa gahapatissa āloko antaradhāyi, andhakāro pāturahosi, bhayaṃ chambhitattaṃ lomahaṃso udapādi, tatova puna nivattitukāmo ahosi. Tatiyampi kho sivako yakkho antarahito saddamanussāvesi –

“Sataṃ hatthī sataṃ assā...pe...
Kalaṃ nāgghanti soḷasiṃ.

“Abhikkama gahapati, abhikkama gahapati;
Abhikkamaṃ te seyyo, no paṭikkamana’nti.

Atha kho anāthapiṇḍikassa gahapatissa andhakāro antaradhāyi, āloko pāturahosi, yaṃ ahosi bhayaṃ chambhitattaṃ lomahaṃso, so paṭippassambhi. Atha kho anāthapiṇḍiko gahapati yena sītavanaṃ yena bhagavā tenupasaṅkami.

Tena kho pana samayena bhagavā rattiyā paccūsasamayaṃ paccuṭṭhāya abbhokāse caṅkamati. Addasā kho bhagavā anāthapiṇḍikaṃ gahapatiṃ dūratova āgacchantaṃ. Disvāna caṅkamā orohitvā paññatte āsane nisīdi. Nisajja kho bhagavā anāthapiṇḍikaṃ gahapatiṃ etadavoca – “ehi sudattā”ti. Atha kho anāthapiṇḍiko gahapati, nāmena maṃ bhagavā ālapatīti, haṭṭho udaggo tattheva bhagavato pādesu sirasā nipatitvā bhagavantam etadavoca – “kacci, bhante, bhagavā sukhamasayitthā”ti?

“Sabbadā ve sukhaṃ seti, brāhmaṇo parinibbuto;
Yo na limpāti kāmesu, sītibhūto nirūpadhi.

“Sabbā āsattiyo chetvā, vineyya hadaye daram;
Upasanto sukhaṃ seti, santim pappuyya cetasā”ti [cetasoti (sī.)].

8. Sudattasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

242. Aṭṭhame kenacideva karaṇīyenāti vāṇijjakammaṃ adhippetam. Anāthapiṇḍiko ca rājagahasetṭhi ca aññamaññaṃ bhaginipatikā honti. Yadā rājagahe utṭhānakabhaṇḍakam mahaggham hoti, tadā rājagahasetṭhi tam gahetvā pañcasakaṭasatehi sāvattim gantvā yojanamatte tṭhito attano āgatabhāvam jānāpeti. Anāthapiṇḍiko paccuggantvā tassa mahāsakkāram katvā ekayānam āropetvā sāvattim pavisati. So sace bhaṇḍam lahukam vikkīyati, vikkiṇāti. No ce, bhaginighare tṭhabetvā pakkamati. Anāthapiṇḍikopi tatheva karoti. Svāyam tadāpi teneva karaṇīyena agamāsi. Tam sandhāyetam vuttam.

Tam divasam pana rājagahasetṭhi yojanamatte tṭhitena anāthapiṇḍikena āgatabhāvajānanattham pesitam paṇṇam na suṇi, dhammassavanatthāya vihāram agamāsi. So dhammakatham sutvā svātanāya buddhappamukham bhikkhusaṅgham nimantetvā attano ghare uddhanakhaṇāpanadārurphālanādīni kāresi. Anāthapiṇḍikopi “idāni mayham paccuggamanam karissati, idāni karissatī”ti gharadvārepi paccuggamanam alabhitvā antogharam pavitṭho paṭisanthārampi na bahum alattha. “Kim, mahāsetṭhi, kusalam dāraakarūpanam? Nasi magge kilanto”ti? Ettakova paṭisanthāro ahosi. So tassa mahābyāpāram disvā, “kim nu te, gahapati, āvāho vā bhavissatī”ti? Khandhake (cūlava. 304) āgatanayeneva katham pavattetvā tassa mukhato buddhasaddam sutvā pañcavaṇṇam pītim paṭilabhi. Sā tassa sīsena utṭhāya yāva pādapiṭṭhiyā, pādapiṭṭhiyā utṭhāya yāva sīsā gacchati, ubhato utṭhāya majjhe osarati, majjhe utṭhāya ubhato gacchati. So pītiyā nirantaram phutṭho, “buddhoti tvam, gahapati, vadesi? Buddho tāham, gahapati, vadāmī”ti evam tikkhattum pucchitvā, “ghosopi kho eso dullabho lokasmiṃ yadidaṃ buddho”ti āha. Idaṃ sandhāya vuttam “assosi kho anāthapiṇḍiko, gahapati, buddho kira loke uppanno”ti.

Etadahosi akālo kho ajjāti so kira tam setṭhim pucchi, “kuhim gahapati satthā viharatī”ti? Athassa so – “buddhā nāma durāsadā āsīvisasadisā honti, satthā sivathikāya vasati, na sakkā tattha tumhādisehi imāya velāya gantu”nti ācikkhi. Athassa etadahosi. **Buddhagatāya satiyā nipajjīti** tamdivasam kirassa bhaṇḍasakaṭesu vā upatṭhākesu vā cittampi na uppajji, sāyamāsampi na akāsi, sattabhūmikam pana pāsādam āruyha supaññattālaṅkatavarasayane “buddho buddho”ti sajjhāyam karontova nipajjitvā niddam okkami. Tena vuttam “buddhagatāya satiyā nipajjī”ti.

Rattiyā sudam tikkhattum utṭhāsi pabhātanti maññamānoti paṭhamayāme tāva vītivatte utṭhāya buddham anussari, athassa balavappasādo udapādi, pītiāloko ahosi,

sabbatamaṃ vigacchi, dīpasahassujjalaṃ viya canduṭṭhānaṃ sūriyuṭṭhānaṃ viya ca jātaṃ. So “papādaṃ āpanno vatamhi, sūriyo uggato”ti uṭṭhāya ākāsatāle ṭhitam candam ulloketvā “ekova yāmo gato, aññe dve atthī”ti puna pavisitvā nipajji. Etenupāyena majjhimayāmāvasānepi pacchimayāmāvasānepīti tikkhattum uṭṭhāsi. Pacchimayāmāvasāne pana balavapaccūseyeva uṭṭhāya ākāsatālam āgantvā mahādvārābhimukhova ahosi, sattabhūmikadvāram sayameva vivataṃ ahosi. So pāsādā oruyha antaravīthim paṭipajji.

Vivarimṣūti “ayaṃ mahāseṭṭhi ‘buddhupaṭṭhānaṃ gamissāmī’ti nikkhanto, paṭhamadassaneneva sotāpattiphale paṭiṭṭhāya tiṇṇam ratanānaṃ aggupaṭṭhāko hutvā asadisam saṅghārāmaṃ katvā cātuddisassa ariyagaṇassa anāvaṭadvāro bhavissati, na yuttamassa dvāram pidahitu”nti cintetvā vivarimṣu. **Antaradhāyīti** rājagahaṃ kira ākiṇṇamanussaṃ antonagare nava koṭīyo, bahinagare navāti taṃ upanissāya aṭṭhārāsa manussakoṭīyo vasanti. Avelāya matamanusse bahi nīharitum asakkontā aṭṭālake ṭhatvā bahidvāre khipanti. Mahāseṭṭhi nagarato bahinikkhantamattova allasārāmaṃ pādena akkami, aparampi piṭṭhipādena pahari. Makkhikā uppatitvā parikirimṣu. Duggandho nāsapuṭaṃ abhiani. Buddhappasādo tanuttaṃ gato. Tenassa āloko antaradhāyi, andhakāro pāturahosi. **Saddamanussāvesīti** “seṭṭhissa ussāhaṃ janessāmī”ti suvaṇṇakiṅkiṅikaṃ ghaṭṭento viya madhurassarena saddaṃ anussāvesi.

Sataṃ kaññāsahassānīti purimapadānīpi imināva sahasapadena saddhim sambandhanīyāni. Yatheva hi sataṃ kaññāsahassāni, sataṃ sahasāni hatthī, sataṃ sahasāni assā, sataṃ sahasāni rathāti ayamettha attho. Iti ekekasatasahassameva dīpitaṃ. **Padavītiḥārassāti** padavītiḥāro nāma samagamane dvinnaṃ padānaṃ antare muṭṭhiratanamattaṃ. **Kalam nāgghanti soḷasinti** taṃ ekaṃ padavītiḥāraṃ soḷasabhāge katvā tato eko koṭṭhāso puna soḷasadhā, tato eko soḷasadhāti evaṃ soḷasa vāre soḷasadhā bhinnassa eko koṭṭhāso soḷasikalā nāma, taṃ soḷasikalam etāni cattāri sataśahassāni na agghanti. Idaṃ vuttaṃ hoti – sataṃ hatthisahassāni sataṃ assasahassāni sataṃ rathasahassāni sataṃ kaññāsahassāni, tā ca kho āmukkamaṇikuṇḍalā sakalajambudīparājadhītarō vāti imasmā ettakā lābhā vihāraṃ gacchantassa tasmim soḷasikalasaṅkhāte padese pavattacetanāva uttaritarāti. Idaṃ pana vihāragamaṇaṃ kassa vasena gahitanti? Vihāraṃ gantvā anantarāyena sotāpattiphale paṭiṭṭhahantassa. “Gandhamālādīhi pūjaṃ karissāmi, cetiyam vandissāmi, dhammaṃ sossāmi, dīpapūjaṃ karissāmi, saṅghaṃ nimantetvā dānaṃ dassāmi, sikkhāpadesu vā saraṇesu vā paṭiṭṭhahissāmi”ti gacchatopi vasena vaṭṭatiyeva.

Andhakāro antaradhāyīti so kira cintesi – “ahaṃ ekakoti saññaṃ karomi, anuyuttāpi me atthi, kasmā bhāyāmī”ti sūro ahosi. Athassa balavā buddhappasādo

udapādi. Tasmā andhakāro antaradhāyīti. Sesavāresupi eseva nayo. Apica purato
purato gacchanto bhiṃsanake susānamagge
aṭṭhikasaṅkhalikasamamsalohitantiādīni anekavidhāni kuṇapāni addasa.
Soṇasiṅgālādīnaṃ saddaṃ assosi. Taṃ sabbaṃ parissayaṃ punappunaṃ
buddhagataṃ pasādaṃ vaḍḍhetvā maddanto agamāsiyeva.

Ehi sudattāti so kira seṭṭhi gacchamānova cintesi – “imasmim loke bahū
pūraṇakassapādayo titthiyā ‘mayam buddhā mayam buddhā’ti vadanti, kathaṃ nu
kho ahaṃ satthu buddhabhāvaṃ jāneyya’nti? Athassa etadahosi – “mayham
guṇavasena uppannaṃ nāmaṃ mahājano jānāti, kuladattiyaṃ pana me nāmaṃ
aññatra mayā na koci jānāti. Sace buddho bhavissati, kuladattikanāmena maṃ
ālapissatī”ti. Sathā tassa cittaṃ ñatvā evamāha.

Parinibbutoti kilesaparinibbānena parinibbuto. **Āsattiyoti** taṇhāyo. **Santinti**
kilesavūpasamaṃ. **Pappuyyāti** patvā. Idañca pana vatvā sathā tassa
anupubbikathaṃ kathetvā matthake cattāri saccāni pakāsesi. Seṭṭhi dhammadesanaṃ
sutvā sotāpattiphale patiṭṭhāya buddhappamukhaṃ bhikkhusaṅghaṃ nimantetvā
punadivasato paṭṭhāya mahādānaṃ dātuṃ ārabhi. Bimbisārādayo seṭṭhissa sāsanaṃ
pesenti – “tvaṃ āgantuko, yaṃ nappahoti, taṃ ito āharāpehī”ti. So “alaṃ tumhe
bahukiccā”ti sabbe paṭikkhipitvā pañcahi sakaṭasatehi ānītavibhavana sattāhaṃ
mahādānaṃ adāsi. Dānapariyosāne ca bhagavantaṃ sāvattiyaṃ vassāvāsaṃ
paṭijānāpetvā rājagahassa ca sāvattiyā ca antare yojane yojane satahassaṃ datvā
pañcacattālīsa vihāre kārento sāvattim gantvā jetavanamahāvihāraṃ kāretvā
buddhappamukhassa bhikkhusaṅghassa niyyādesīti. Aṭṭhamam.